**Bảng mô tả nghiệp vụ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chức vụ |  |
| 1 | Quản Lý Cửa Hàng | Thực hiện theo dõi và thống kê hoạt động bán hàng tại cửa hàng như thống kê doanh thu, sản phẩm bán chạy, quản lý nhân viên, quản lý sản phẩm...... |
| 2 | Nhân viên bán hàng | Lập hóa đơn và xuất hóa đơn thanh toán cho khách.  Thống kê doanh thu theo ngày.  Pha chế, giữ vệ sinh cho cửa hàng. |

**Bảng yêu cầu nghiệp vụ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên yêu cầu | Biểu mẫu | Quy định | Chú thích |
| 1 | Quản lý hoạt động cửa hàng. |  |  |  |
| 2 | Tiếp nhận thông tin nhân viên | BM1 | QĐ1 | Lưu trữ thông tin nhân viên vào cơ sở dữ liệu. |
| 3 | Tìm kiếm nhân viên |  |  |  |
| 4 | Thống kê doanh thu theo mốc thời gian | BM2 |  |  |
| 5 | Thống kê sản bán chạy | BM3 |  |  |
| 6 | Lập hóa đơn bán hàng | BM4 | QĐ2 |  |
| 7 | Xuất hóa đơn bán hàng |  |  |  |
| 8 | Tìm kiếm hóa đơn bán hàng |  |  |  |
| 9 | Tìm kiếm sản phẩm |  |  |  |
| 10 | Tìm kiếm topping |  |  |  |
| 11 | Tìm kiếm thể loại sản phẩm |  |  |  |
| 12 | Thống kê món thêm bán chạy | BM5 |  |  |

**BM1**

|  |
| --- |
| **THÔNG TIN NHÂN VIÊN** |
| Họ và tên: Giới tính:  Ngày sinh: Tuổi:  Trình độ học vấn: Địa chỉ:  Số điện thoại: |

=> QĐ1: Họ và tên nhân viên không được bỏ trống, tuổi từ 18 - 28, trình độ học vấn phải tốt nghiệp trung học phổ thông.

**BM2**

|  |
| --- |
| **THỐNG KÊ DOANH THU THEO MỐC THỜI GIAN** |
| Từ ngày……………….… đến ngày………………   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại đơn | Số lượng | Doanh thu | | 1 | Spot Bill |  |  | | 2 | Take away Bill |  |  | | Tổng đơn:........... | | | Tổng doanh thu:................. |     **Người lập**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**BM3**

|  |
| --- |
| **THỐNG KÊ SẢN PHẨM BÁN CHẠY** |
| Từ ngày……………….… đến ngày………………   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Mã sản phẩm | Tên sản phẩm | Số lượng | Đơn giá | Doanh thu | | 1 |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  |  | | 4 |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  | | **Tổng:** | | | | |  |     **Người lập**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**BM4**

|  |
| --- |
| **HÓA ĐƠN BÁN HÀNG** |
| Ngày lập:……………………………….  Nhân viên:……………………………...  Loại hóa đơn:…………………………..  Bàn:………………………………........   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tên sản phẩm | Số lượng | Giá | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  | | 3 |  |  |  | | 4 |  |  |  | | … |  |  |  |     Tổng tiền(VNĐ)………………………..  Tiền nhận(VNĐ)……………………….  Tiền thối(VNĐ)……………………….. |

QĐ2: Hóa đơn phải có ít nhất một sản phẩm.

**BM5**

|  |
| --- |
| **THỐNG KÊ MÓN THÊM BÁN CHẠY** |
| Từ ngày……………….… đến ngày………………   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Mã món thêm | Tên món thêm | Số lượng | Đơn giá | Doanh thu | | 1 |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  |  | | 4 |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  | | **Tổng:** | | | | |  |     **Người lập**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Bảng trách nhiệm yêu cầu nghiệp vụ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên yêu cầu | Người dùng | Phần mềm | Chú thích |
| 1 | Quản lý cửa hàng. | Có thể tùy chọn sử dụng các chức năng sau: xem hóa đơn, xem thống kê thu nhập, quản lý nhân viên, sản phẩm và topping. | Hiển thị thông tin hóa đơn, thu chi sản phẩm và các xử lý liên quan đến nhân viên sản phẩm và topping. | Cho phép thao tác: thêm, sửa nhân viên, sản phẩm, topping, xóa nhân viên. |
| 2 | Tiếp nhận thông tin nhân viên | Cung cấp thông tin theo BM1 | Kiểm tra thông tin, quy định và ghi nhận. |  |
| 3 | Tìm kiếm thông tin nhân viên | Cung cấp mã hoặc tên nhân viên | Tìm và xuất thông tin của nhân viên | Cho phép: xóa và sửa thông tin nhân viên. |
| 4 | Thống kê doanh thu theo mốc thời gian | Cung cấp mốc thời gian muốn thống kê | Thực hiện thống kê theo mốc thời gian cung cấp và hiển thị theo BM2. |  |
| 5 | Thống kê sản phẩm bán chạy | Cung cấp khoảng thời gian muốn thống kê | Thực hiện thống kê theo mốc thời gian cung cấp và hiển thị theo BM3. |  |
| 6 | Lập hóa đơn bán hàng | Lựa chọn các sản phẩm muốn thanh toán | Kiểm tra quy định và hiển thị các sản phẩm được lựa chọn theo BM4. |  |
| 7 | Xuất hóa đơn bán hàng | Chọn thao tác xuất hóa đơn | Thực hiện xuất hóa đơn và lưu thông tin hóa đơn vào CSDL |  |
| 8 | Tìm kiếm hóa đơn bán hàng | Cung cấp mã hóa đơn | Thực hiện tìm kiếm mã hóa đơn và xuất thông tin hóa đơn |  |
| 9 | Tìm kiếm sản phẩm | Cung cấp mã, tên hoặc tên thể loại của sản phẩm | Tìm kiếm và xuất thông tin sản phẩm | Cho phép sửa thông tin hoặc thay đổi trạng thái kinh doanh của sản phẩm |
| 10 | Tìm kiếm topping | Cung cấp mã hoặc tên topping | Tìm kiếm và xuất thông tin topping | Cho phép sửa thông tin hoặc thay đổi trạng thái kinh doanh của topping |
| 11 | Tìm kiếm thể loại sản phẩm | Cung cấp mã hoặc tên loại sản phẩm | Tìm kiếm và xuất thông tin loại sản phẩm | Cho phép thay đổi trạng thái kinh doanh của loại sản phẩm |
| 12 | Thống kê món thêm bán chạy | Cung cấp mốc thời gian muốn thống kê | Thực hiện thống kê theo mốc thời gian cung cấp và hiển thị theo BM5. |  |

**Yêu cầu chất lượng:**

* Tính chính xác:

Các chức năng của hệ thống phải thực hiện đúng với yêu cầu của người dùng. Kiểm tra thông tin mà người dùng nhập vào có hợp lệ hay không. Lưu trữ và phân bố dữ liệu trong cơ sở dữ liệu phải thật chính xác. Trích xuất dữ liệu đúng với yêu cầu của người dùng. Khả năng xử lý, lưu trữ và trích xuất dữ liệu phải diễn ra nhanh chóng và chính xác.

* Tính tiện dụng:

Các chức năng của phần mềm phải dễ học, dễ sử dụng để rút ngắn thời gian học cách sử dụng đối với một số người dùng còn ít kinh nghiệm trong việc tiếp xúc và thao tác với phần mềm. Giao diện phải sử dụng các hình ảnh mang tính đặc trưng cho từng chức năng để người dùng có thể dễ dàng ghi nhớ.

* Tính an toàn:

Cho phép người dùng như quản lý có thể chỉnh sửa thông tin lỗi do nhập sai hoặc thay đổi trạng thái kinh doanh của sản phẩm, thể loại sản phẩm và topping.

VD: Quản lý có thể thay đổi thông tin của sản phẩm nếu thông tin bị sai.

* Tính hiệu quả:

Hệ thống giúp cho nhân viên thực hiện các nghiệp vụ một cách nhanh chóng và đạt hiệu quả cao hơn.

* Tính bảo mật:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Nghiệp vụ | Quản lý | Nhân viên bán hàng |
| 1 | Phân quyền | x |  |
| 2 | Tìm kiếm, thêm, xóa , sửa tài khoản | x |  |
| 3 | Tra cứu nhân viên | x |  |
| 4 | Lập hóa đơn bán hàng | x | x |
| 5 | Xuất hóa đơn | x | x |
| 6 | Thêm, sửa, tìm kiếm sản phẩm | x |  |
| 7 | Thống kê báo cáo | x | x |
| 8 | Tìm kiếm, thêm, sửa thể loại sản phẩm | x |  |
| 9 | Tìm kiếm, thêm, sửa topping | x |  |

Hệ thống chỉ cho phép nguời dùng thực hiện các chức năng tương ứng với quyền tài khoản mà họ đăng nhập.

* Khả năng nâng cấp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Khả năng nâng cấp | Yêu cầu |
| 1 | Thêm vào nghiệp vụ mới | Thời gian cập nhật nhanh, không ảnh hưởng đến các chức năng nếu phát sinh lỗi.  Phải đồng bộ với các nghiệp vụ trước đó. |
| 2 | Nâng cấp cơ sở dữ liệu | Import dữ liệu cũ nhanh chóng chính xác.  Không ảnh hưởng tốc độ tương tác với dữ liệu. |

* Yêu cầu hệ thống:

Yêu cầu người dùng: Phải biết sử dụng cơ bản về hệ thống.

Yêu cầu thiết bị: Phải có máy tính, máy in và máy chủ lưu dữ liệu.

* Yêu cầu công nghệ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Yêu cầu | Mô tả chi tiết | Ghi chú |
| 1 | Dễ sửa lỗi | Xác định sửa lỗi trung bình trong 15 phút. | Khi sửa lỗi một chức năng không ảnh hưởng đến chức năng khác. |
| 2 | Dễ bảo trì | Thêm chức năng mới nhanh. | Không ảnh hưởng đến chức năng đã có. |
| 3 | Tái sử dụng | Có thể tái sử dụng xây dựng phần mềm quản lý bán hàng trong 5 ngày. | Cùng với các yêu cầu. |
| 4 | Dễ chuyển đổi | Chuyển đổi sang cơ sở dữ liệu mới tối đa 2 ngày. | Cùng với các yêu cầu. |